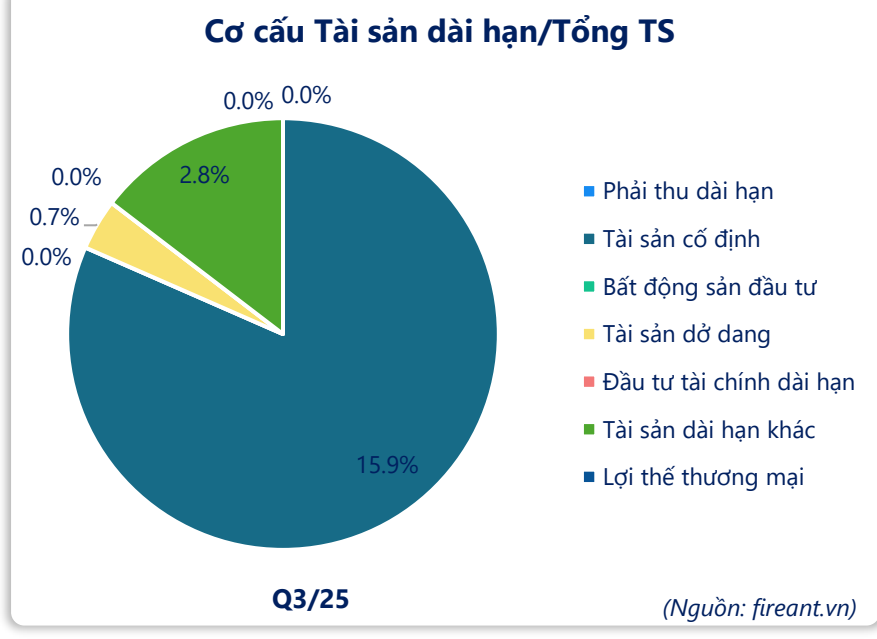
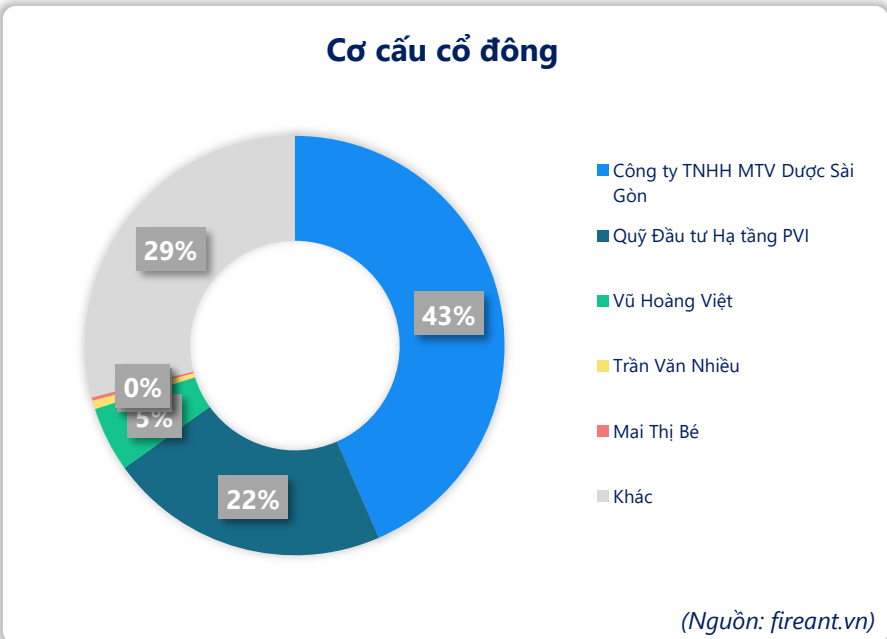
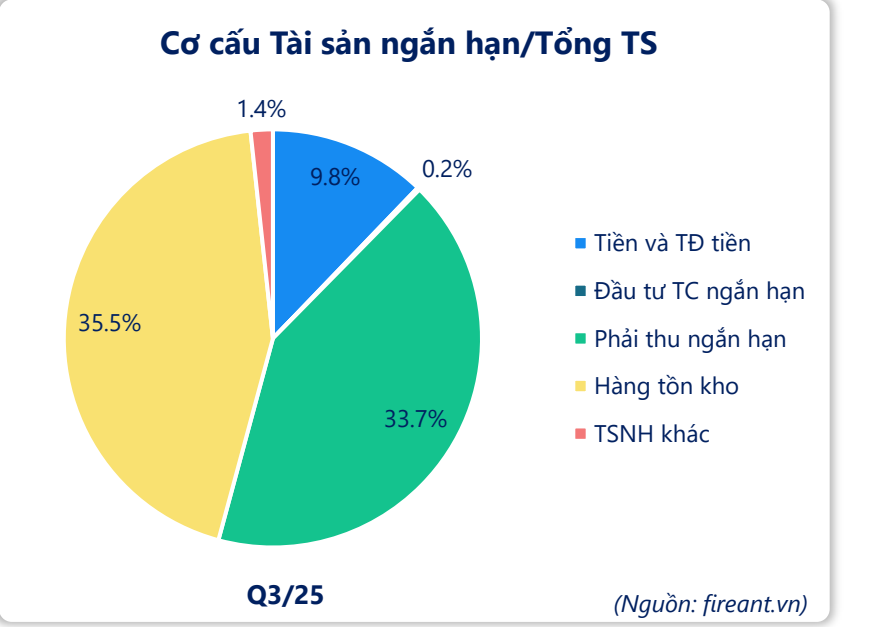
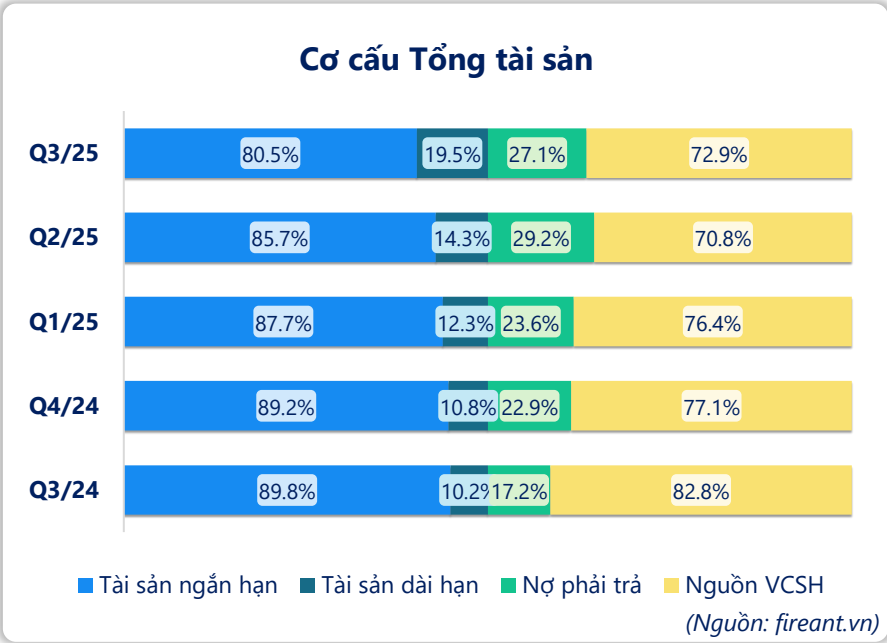
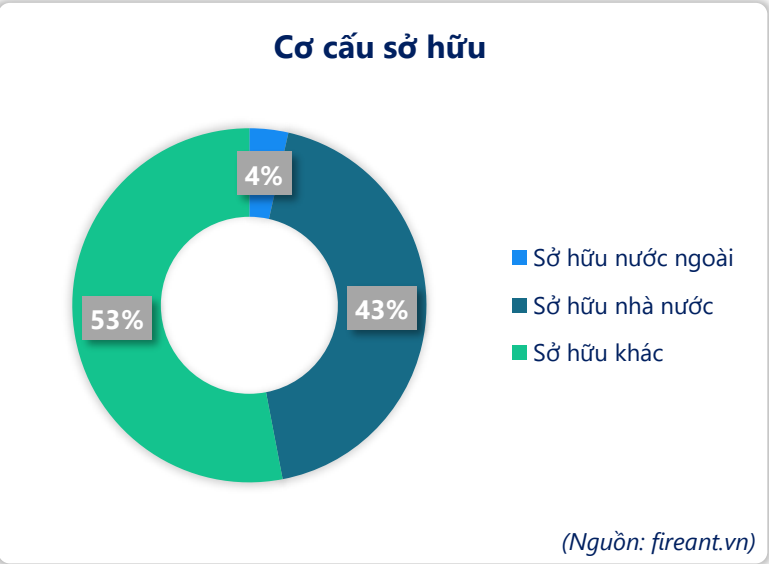
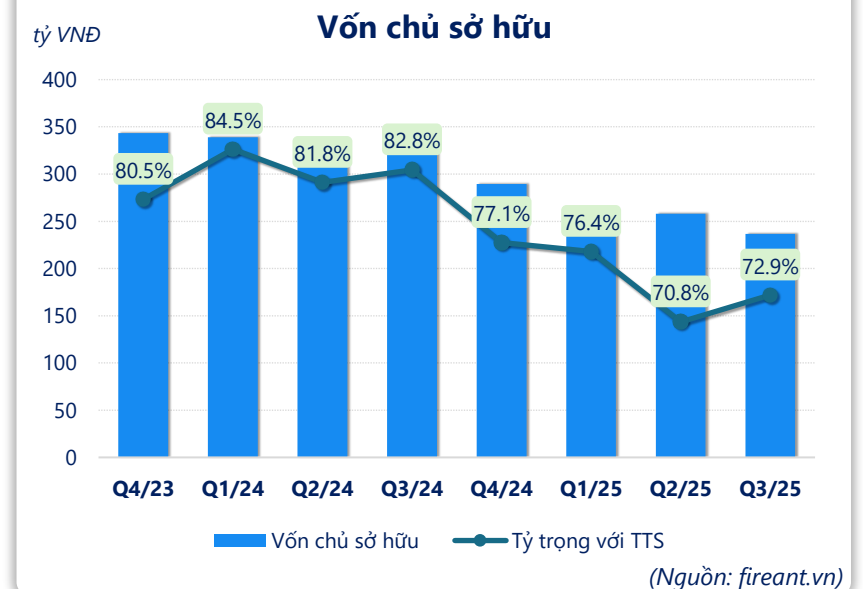
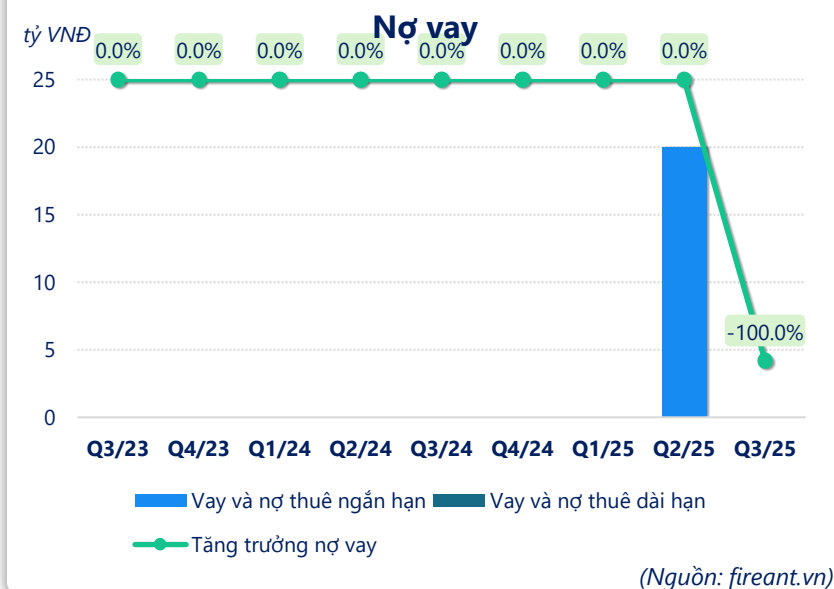
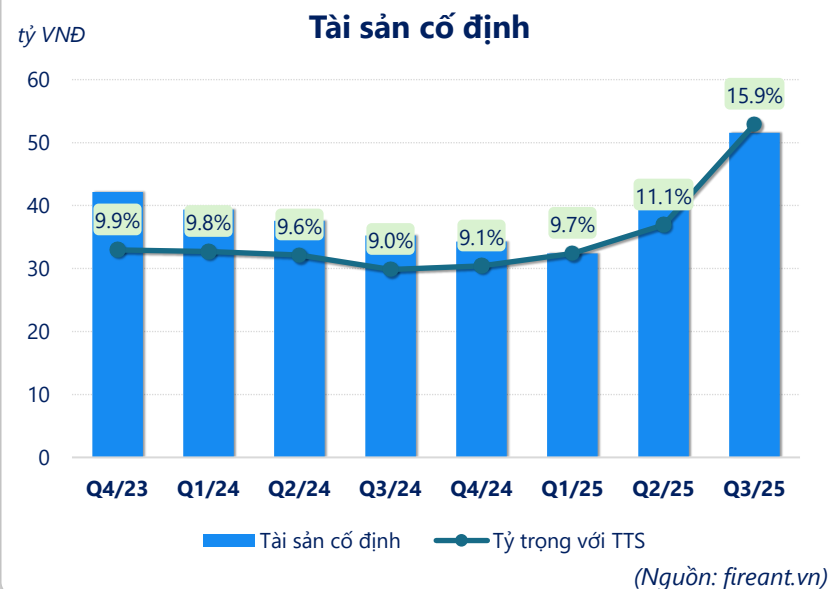
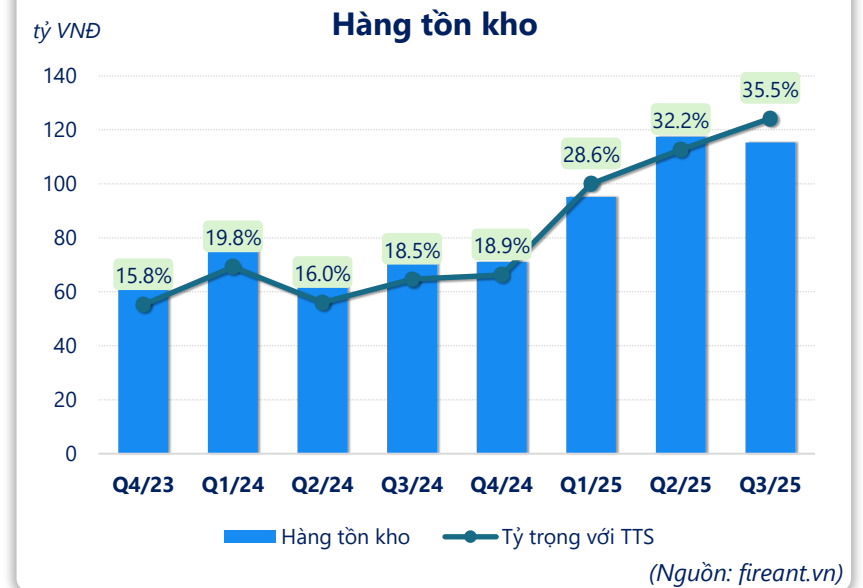
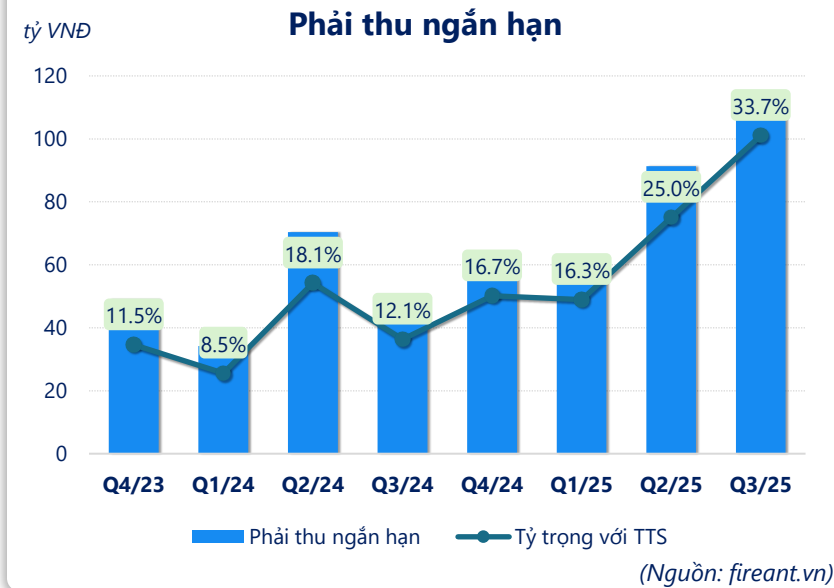
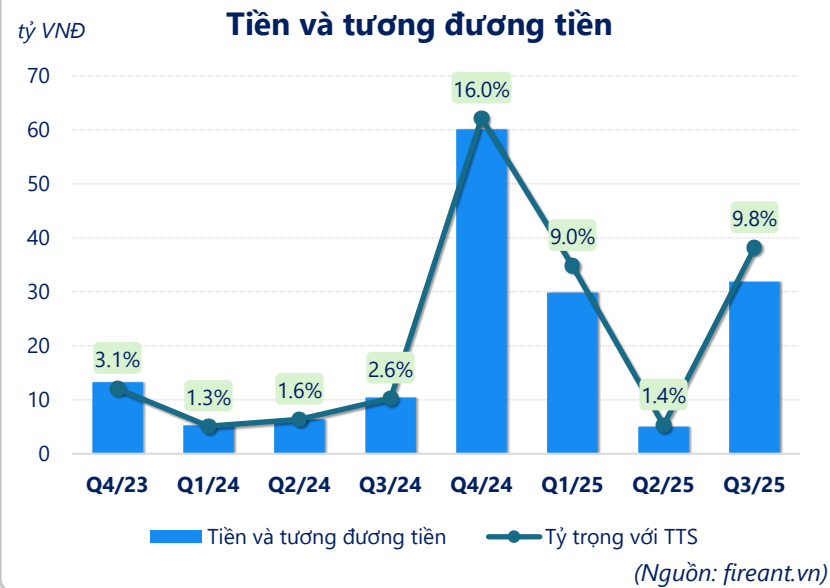
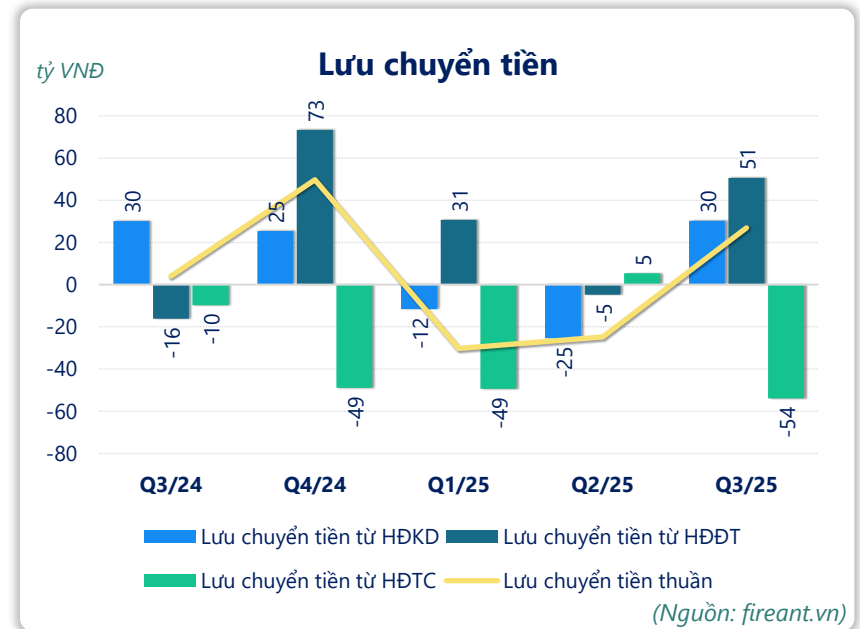
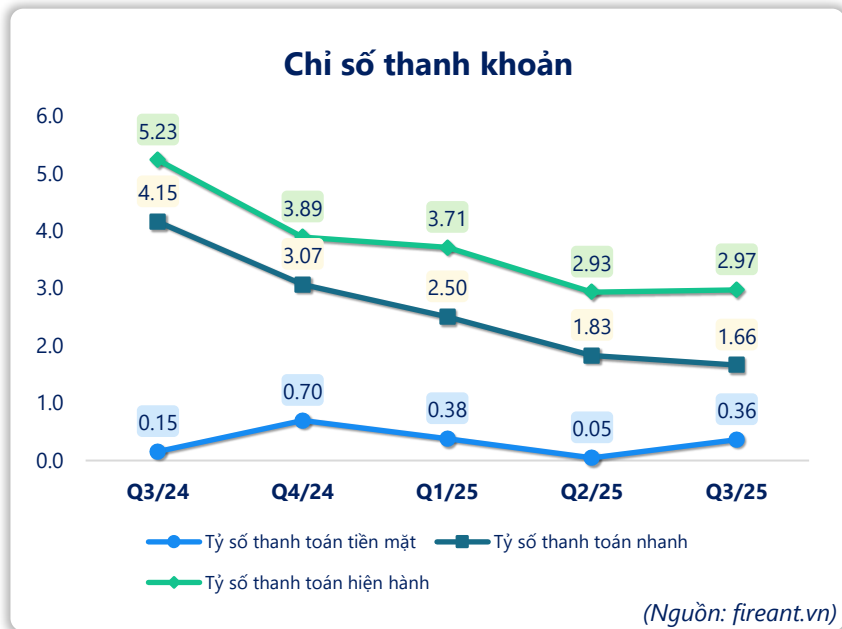
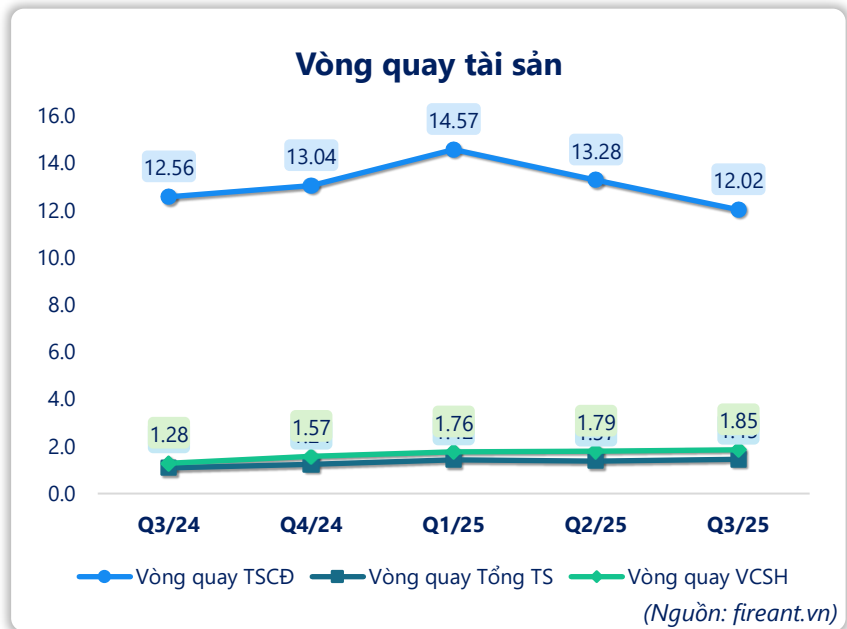
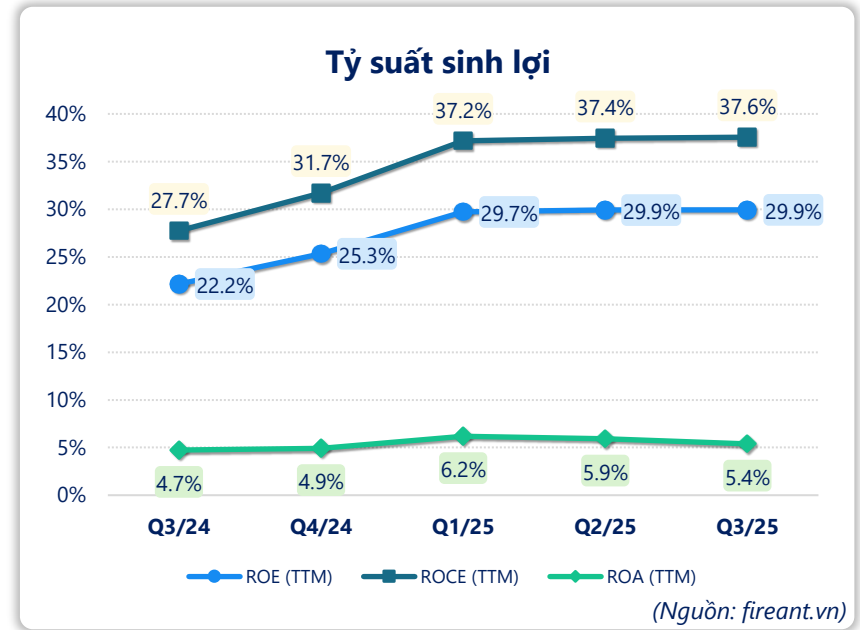
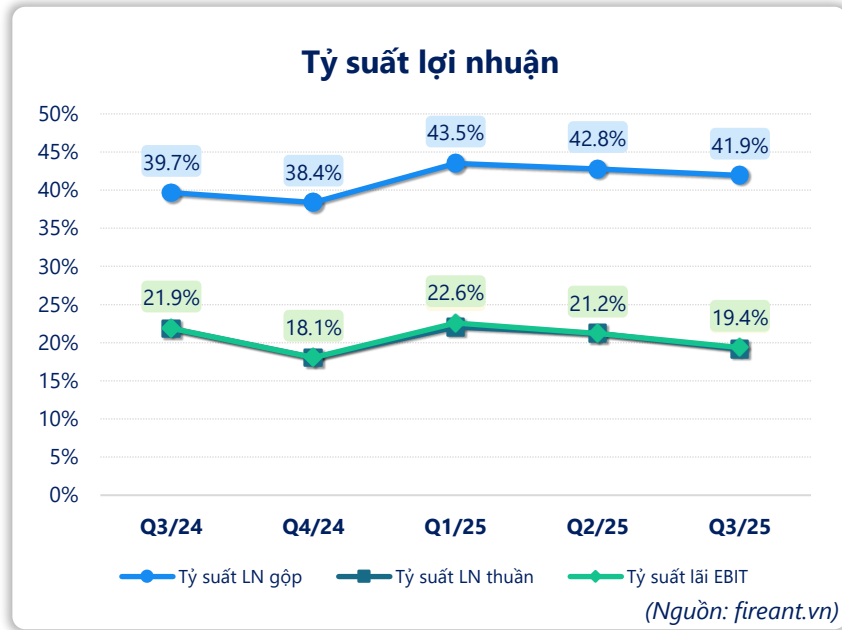
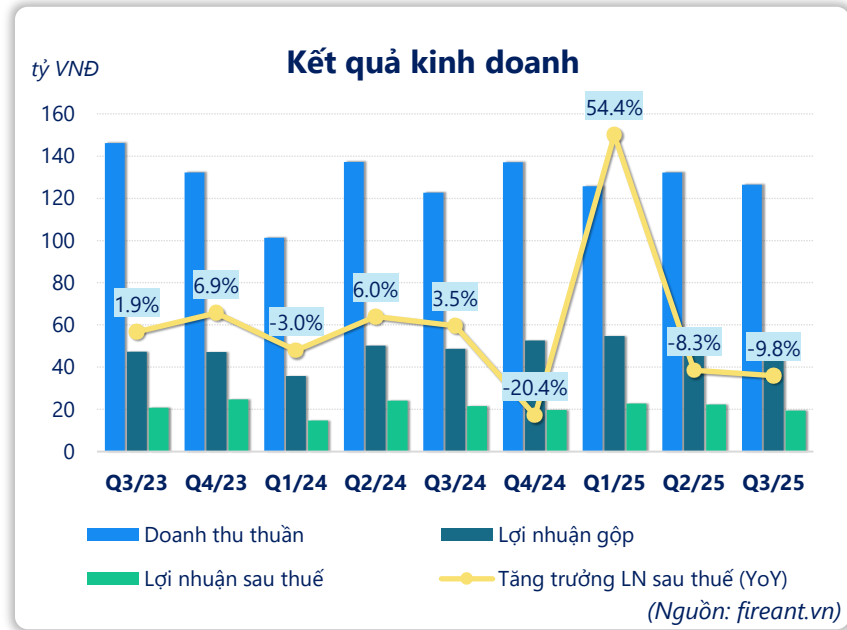


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		112,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		122,538
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		75,666
SL cổ phiếu LH		9,332,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,630
% sở hữu nước ngoài		3.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,045
P/E		12.4
EPS		9,023

	YTD	1T	3T	6T
PMC	11.7%	7.3%	10.6%	-4.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	325	376	-13.6%
Tài sản ngắn hạn	262	335	-22.0%
Tiền và tương đương tiền	31.9	60.1	-47.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	141	-99.6%
Phải thu ngắn hạn	109	62.8	74.2%
Hàng tồn kho	115	71.1	62.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.49	0.44	927%
Tài sản dài hạn	63.2	40.4	56.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	51.5	34.3	50.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.42	0.07	3420%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.23	6.06	52.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.0	86.2	2.1%
Nợ ngắn hạn	88.0	86.2	2.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	16.3	-5.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	290	-18.3%
Vốn chủ sở hữu	237	290	-18.3%
Vốn điều lệ	93.3	93.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	123	137	126	132	127
Giá vốn hàng bán	74.1	84.5	71.0	75.7	73.5
Lợi nhuận gộp	48.7	52.6	54.7	56.6	53.0
Doanh thu HĐTC	0.86	3.87	1.20	1.70	0.91
Chi phí TC	0	0	0	0.04	0.26
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.04	0.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.5	15.4	14.8	14.7	13.0
Chi phí QLDN	12.2	16.3	13.4	15.5	16.5
LN thuần từ HĐKD	26.8	24.7	27.7	28.1	24.2
Lợi nhuận khác	0.04	0.04	0.66	-0.05	0.01
LN trước thuế	26.9	24.7	28.4	28.0	24.2
Lợi nhuận sau thuế	21.5	19.8	22.7	22.4	19.4
LNST của CĐ cty mẹ	21.5	19.8	22.7	22.4	19.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.0	25.3	-11.6	-25.4	30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.1	73.3	30.8	-4.83	50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.85	-48.9	-49.4	5.34	-53.9
Tiền đầu kỳ	6.38	10.4	60.1	29.8	4.98
Lưu chuyển tiền thuần	4.03	49.7	-30.2	-24.9	26.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.4	60.1	29.8	4.98	31.9

(Nguồn: fireant.vn)